TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG -TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức
Ông Nguyễn Văn Sáu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trường Giang là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1995 (xin vắng)
Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã TB, huyện B, tỉnh Vĩnh Long
Nay là Tổ 4, ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long
-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long
Nay là Tổ 5, ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2025 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Vào năm chị và anh T có quen nhau trước và được sự đồng ý của gia đình nên hai người có tổ chức nói cưới theo phong tục địa phương. Anh chị tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Bình T. Sau khi cưới anh chị ở xã Tân Bình, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Về con

chung có 02 đứa con chung Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013, Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016, chị đang nuôi.

Thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc sau thì thường cải vả, còn gây gổ nên chị và chồng đã ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn càng ngày trầm trọng, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long) xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Văn Tín

Về con chung: Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013, Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016 chị đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Tín cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Chị Nguyễn Thị Bích D có đơn xin giải quyết vắng mặt

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2025 anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh đồng ý với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích D khai về quan hệ hôn nhân, về con chung, quan hệ tài sản, mâu thuẫn là đúng. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Bích D. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D. Về con chung Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016, anh yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu D cấp dưỡng nuôi con. D hiện nay không có ở nhà, nếu nuôi trực tiếp thì anh đồng ý giao, D đi làm lâu lâu mới về một lần, nên anh yêu cầu nuôi cháu Â vì cháu còn nhỏ. Quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị D, con chung anh đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng, anh yêu cầu nuôi cháu Â, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung anh không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Hoài Â trình bày cha mẹ ly hôn con sống với ai cũng được, cha yêu cầu nuôi con thì con cũng đồng ý, nhưng con cũng thương mẹ con, con cũng về tới lui với mẹ, con không có bỏ mẹ con.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn với anh T. Về con chung giao Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị D nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Giao cháu Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con, chị D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Quan hệ tài sản không tranh chấp, nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị D và anh T mỗi người phải chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Bích D về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung có 01 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị N và anh T không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã Tân Quới, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long giải quyết.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long có tiến hành thu thập chứng cứ; nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1]Về hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét anh, chị không còn đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cuộc sống gia đình giữa chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T không hạnh phúc, anh, chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Nguyễn Thị Bích D không còn mong muốn cùng anh Nguyễn Văn T xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Anh Nguyễn Văn T cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích D xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51 và Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T.

[3.2]Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013, chị D yêu cầu nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng. Do đó, đối với yêu cầu của chị D là có cơ sở nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị D nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Như

Cháu Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016 chị D và anh T đều có yêu cầu nuôi cháu Â. Xét thấy hiện cháu Â do anh T nuôi dưỡng, cháu Â cũng đồng ý sống cùng với anh T, do đó đối với yêu cầu nuôi cháu Â của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận. Giao cháu Â cho anh T nuôi dưỡng, chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Â, sinh năm 02/02/2016 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Bích D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích D nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích D phải nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000329 ngày

16/4/2025, chị D được nhận lại 225.000đ *(hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long).

Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản ản trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND KV3;
-Chi cục THADS KV3;
-Các đương sự:
-Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ánh Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Đức **Nguyễn Văn Sáu** **Nguyễn Ánh Dương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Đức **Nguyễn Ngọc Tòng** **Nguyễn Ánh Dương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Ánh Lê Minh Thư **Nguyễn Ánh Dương**